

Số: /2018/TT-NHNN
DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy chế đại lý đổi ngoại tệ ban hành kèm theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Quy chế đại lý đổi ngoại tệ)

1. Điều 4 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 2 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Hoạt động của đại lý đổi ngoại tệ

1. Các đại lý đổi ngoại tệ chỉ được hoạt động dưới hình thức dùng Đồng Việt Nam mua ngoại tệ tiền mặt của cá nhân và không được bán ngoại tệ tiền mặt cho cá nhân lấy đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đại lý đổi ngoại tệ đặt tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế được bán ngoại tệ tiền mặt thu đồng Việt Nam cho cá nhân mang hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

3. *Tổ chức kinh tế có thể thỏa thuận với tổ chức tín dụng ủy quyền trong hợp đồng đại lý về việc đặt đại lý đối ngoại tệ ở một hoặc nhiều địa điểm trên địa bàn nơi tổ chức kinh tế có trụ sở chính hoặc chi nhánh.*”

2. Bãi bỏ điểm d, đ khoản 1 Điều 7 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 2 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân).

3. Điểm c khoản 2 Điều 7 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 2 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Văn bản cam kết của tổ chức kinh tế kèm bản sao giấy tờ chứng minh (nếu có) về việc đặt đại lý đối ngoại tệ tại địa điểm theo quy định của Chính phủ về điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý đối ngoại tệ (đối với trường hợp tăng số lượng đại lý đối ngoại tệ).”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ

1. Bãi bỏ điểm đ khoản 1 Điều 11.

2. Điểm d khoản 3 Điều 11 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này”.

3. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 14.

4. Bãi bỏ điểm d khoản 3 Điều 14 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Thông tư số 11/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đối ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân).

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2014/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Điểm a khoản 2 Điều 26 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 26 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-NHNN ngày 5 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2014/TT-NHNN hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đáp ứng các điều kiện như đối với ngân hàng thương mại quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 10 Thông tư này.”

2. Điểm b khoản 3 Điều 29 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 28 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-NHNN ngày 5 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

21/2014/TT-NHNN hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Sau khi hết thời hạn được phép thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế tại văn bản chấp thuận có thời hạn, trường hợp có nhu cầu tiếp tục thực hiện, trên cơ sở đáp ứng đủ điều kiện và hồ sơ như đối với ngân hàng thương mại quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 10 và điểm a, b, c khoản 5 Điều 11 Thông tư này và các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Chính sách Xã hội được Ngân hàng Nhà nước xem xét, cho phép gia hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối này tại văn bản gia hạn văn bản chấp thuận có thời hạn.”

3. Điểm b khoản 3 Điều 29a (đã được bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-NHNN ngày 5 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2014/TT-NHNN hướng dẫn về phạm vi hoạt động ngoại hối, điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Sau khi hết thời hạn được phép thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế tại văn bản chấp thuận có thời hạn, trường hợp có nhu cầu tiếp tục thực hiện, trên cơ sở đáp ứng đủ điều kiện và hồ sơ như đối với ngân hàng thương mại quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 10 và điểm a, b, c khoản 5 Điều 11 Thông tư này và các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước xem xét, cho phép gia hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối này tại văn bản gia hạn văn bản chấp thuận có thời hạn.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2016/TT-NHNN ngày 29 tháng 6 năm 2016 hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 135/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Điểm b khoản 1 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán 03 (ba) năm liên tục liền trước năm nộp hồ sơ.”

2. Điểm b khoản 1 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán 03 (ba) năm liên tục liền trước năm nộp hồ sơ.”

3. Bãi bỏ điểm e, điểm g khoản 1 Điều 13, điểm e khoản 1 Điều 15.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 hướng dẫn thủ tục chấp thuận hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của các ngân hàng được phép

1. Khoản 1 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Ngân hàng được phép khi có nhu cầu thực hiện từng lần xuất khẩu nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận xuất khẩu nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt theo từng lần gửi trên Công thông tin một cửa quốc gia. Quy trình triển khai, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin trên Công thông tin một cửa quốc gia và hệ thống xử lý chuyên ngành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định thực hiện thủ tục hành chính thông qua Cơ

ché một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trường hợp hệ thống nhận, xử lý hồ sơ gặp lỗi kỹ thuật, Ngân hàng được phép nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị chấp thuận xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hoặc người được phân cấp ủy quyền của ngân hàng được phép ký (theo mẫu tại Phụ lục số 01);*
- b) Hợp đồng xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt ký kết với ngân hàng hoặc tổ chức tài chính nước ngoài (chỉ gửi lần đầu và gửi bổ sung khi có thay đổi về đối tác);*
- c) Quy định nội bộ của ngân hàng được phép về hoạt động xuất khẩu nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt, trong đó quy định về phân cấp ủy quyền thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt trong nội bộ hệ thống và quy định quản lý, giám sát, bảo đảm an toàn trong việc giao nhận, bảo quản và vận chuyển ngoại tệ tiền mặt phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (chỉ gửi lần đầu và gửi bổ sung khi có thay đổi);*
- d) Giấy ủy quyền trong trường hợp người ký đơn xin chấp thuận là người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng được phép.*

Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Các bản sao tiếng Việt và các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hoặc người được phân cấp ủy quyền của ngân hàng được phép ký xác nhận.”

2. Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh xem xét, chấp thuận việc xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của ngân hàng được phép (theo mẫu tại Phụ lục số 02). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh có thông báo phản hồi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia nêu rõ lý do.”

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

“- Hồ sơ đề nghị chấp thuận xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ.

- Quyết định chấp thuận xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện cho đến thời điểm hết hiệu lực được ghi trên Quyết định.”

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 201...

THÔNG ĐỌC

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, QLNH.